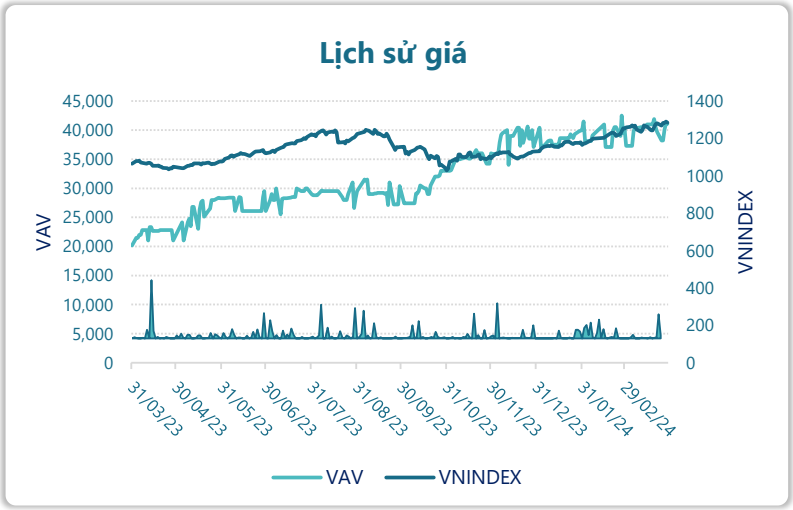
FireAnt

CTCP VIWACO (UPCOM: VAV)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**41,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,170
SL cổ phiếu LH	32,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,350
% sở hữu nước ngoài	2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,315
P/E	10.7
EPS	3,841

DT thuần

Q1/24

224

tỷ VNĐ

QoQ: ▼25.0| -10.1%

YoY: ▲ 60.0| 36.5%

LN sau thuế

Q1/24

39.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.60| 16.3%

YoY: ▲ 19.7| 97.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

16.8%

+/- YoY: ▲ 0.1%

DT thuần

2023

839

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 163| 24.1%

LN sau thuế

2023

108

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 20.8| 24.0%

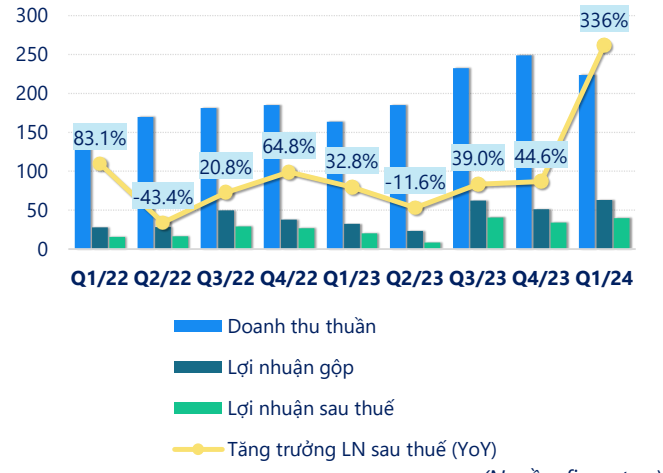
ROE

2023

22.2%

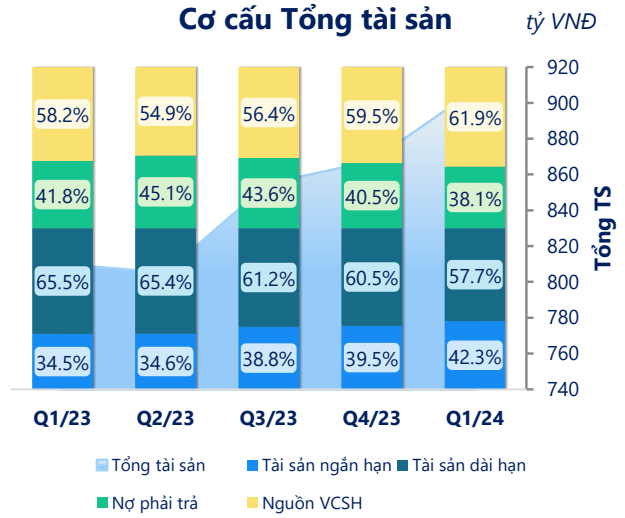
+/- YoY: ▲ 1.9%

Kết quả kinh doanh



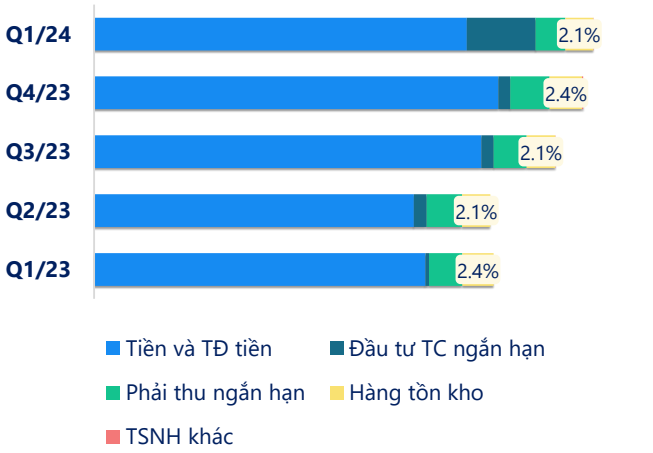
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



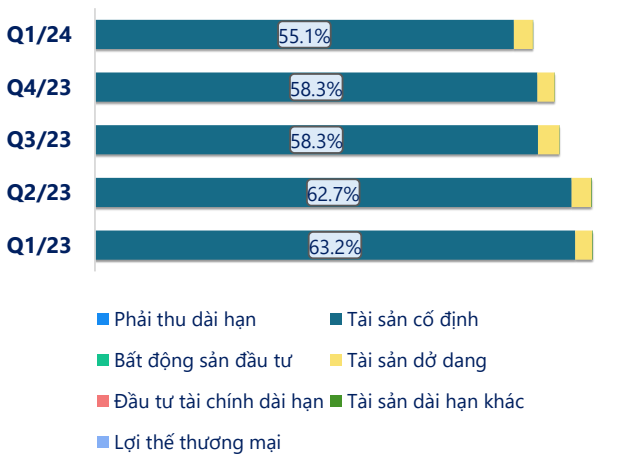
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



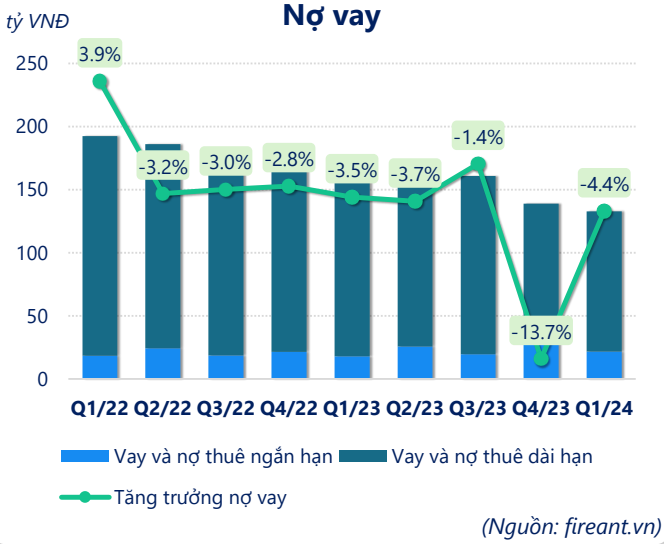
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



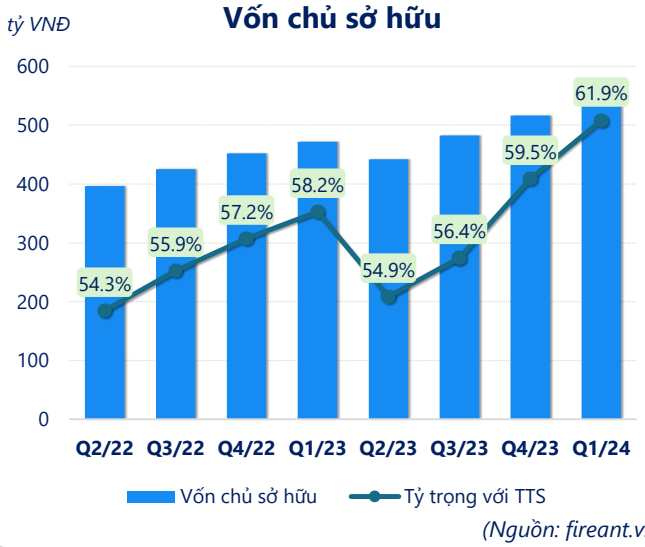
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



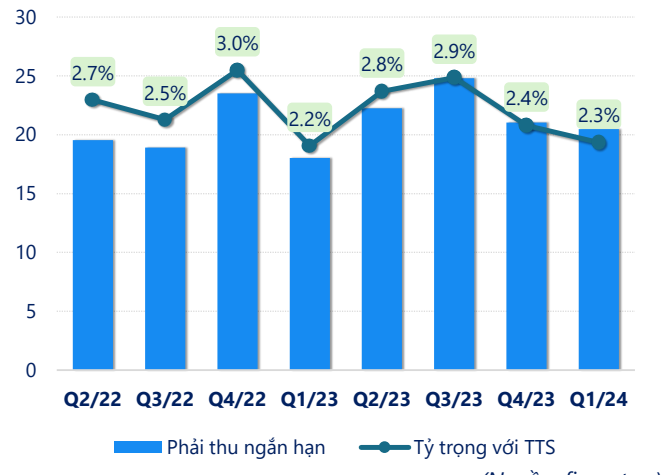
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



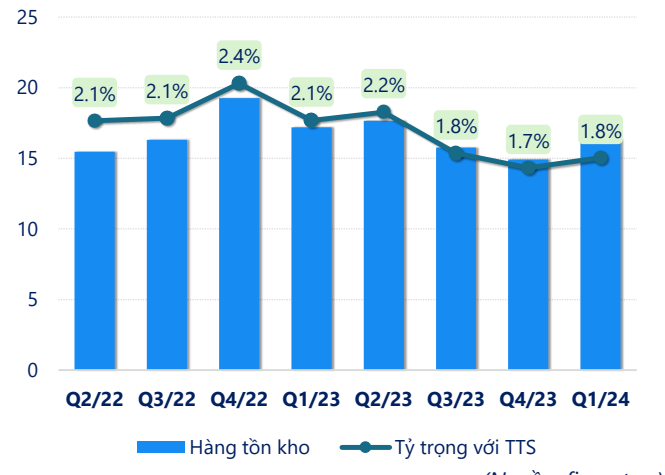
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



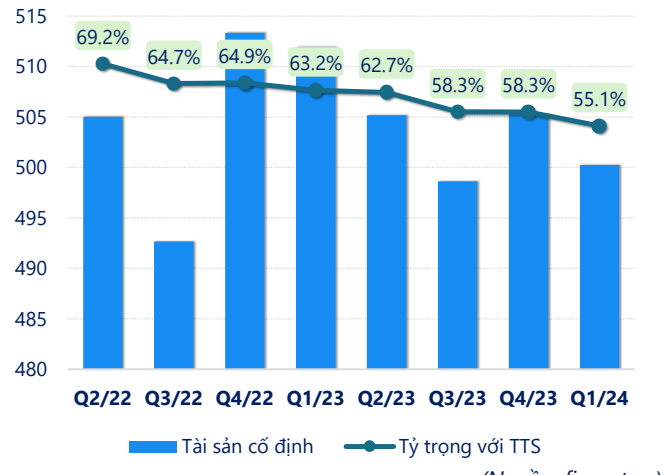
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



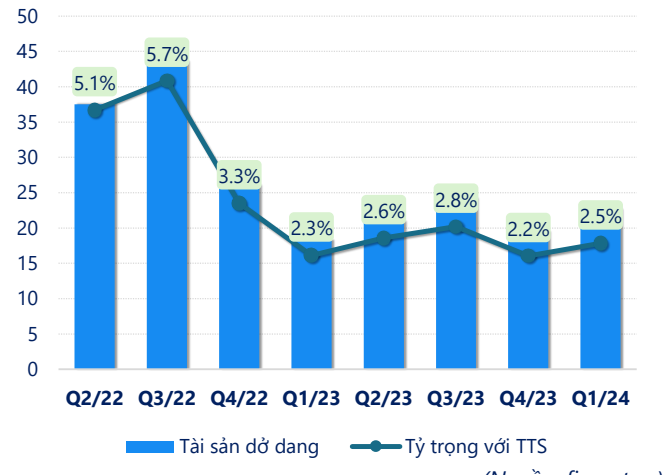
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



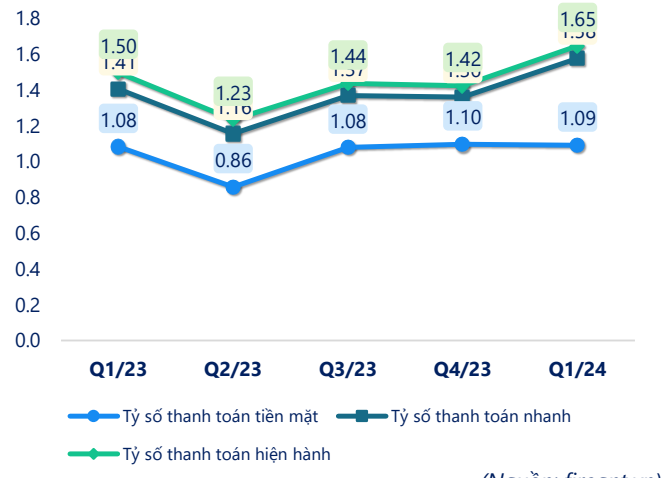
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



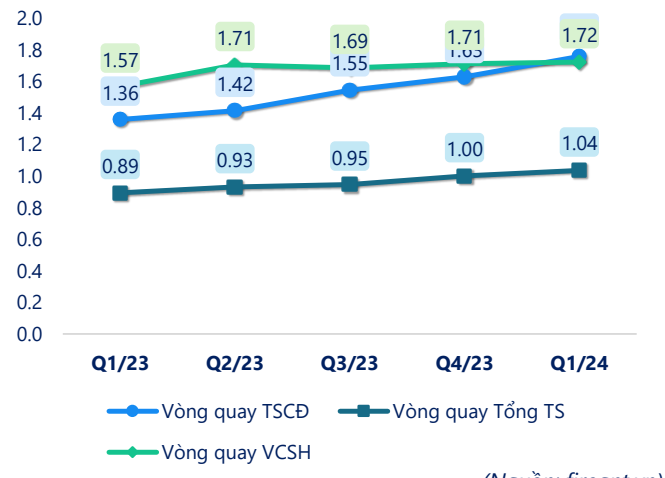
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**810**	**805**	**855**	**867**	**907**
Tài sản ngắn hạn	**279**	**279**	**332**	**342**	**384**
Tiền và tương đương tiền	202	194	249	264	254
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.0	42.0	42.0	42.0	93.0
Phải thu ngắn hạn	18.0	22.2	24.8	21.0	20.5
Hàng tồn kho	17.2	17.7	15.7	14.9	16.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	3.02	0.24	0.59	0
Tài sản dài hạn	**531**	**527**	**523**	**525**	**523**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	512	505	499	505	500
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	18.3	21.0	24.2	19.5	22.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.69	0.51	0.35	0.25	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**338**	**363**	**373**	**351**	**346**
Nợ ngắn hạn	**186**	**226**	**231**	**241**	**233**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.0	25.8	19.5	28.5	21.8
Phải trả người bán ngắn hạn	96.9	124	121	113	111
Nợ dài hạn	152	138	142	110	113
Vay và nợ thuê dài hạn	151	137	141	110	111
Nguồn vốn chủ sở hữu	**472**	**442**	**482**	**517**	**561**
Vốn chủ sở hữu	**472**	**442**	**482**	**517**	**561**
Vốn điều lệ	320	320	320	320	320
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)